

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Nam Định năm 2025

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2024

Năm 2024, việc triển khai các nhiệm vụ trong chuyển đổi số (CDS) trên địa bàn tỉnh Nam Định đạt được nhiều kết quả tích cực. UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị trong tỉnh tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết về Chuyển đổi số của tỉnh, các đơn vị trong tỉnh đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, qua đó đã góp phần nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của các cấp chính quyền, cán bộ và nhân dân trong việc đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh và hội nhập quốc tế. Thông qua công tác triển khai các đề án, dự án, kế hoạch về chuyển đổi số, kết hợp với việc thực thi các giải pháp về xây dựng môi trường chính sách, đảm bảo đủ nguồn nhân lực, tổ chức triển khai, đào tạo, tuyên truyền phổ biến,... đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Hiệu quả công tác quản lý nhà nước được nâng cao, môi trường và phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được cải thiện theo hướng hiện đại và chuyên nghiệp. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin (CNTT) từng bước đáp ứng nhu cầu ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh. Năng suất, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) được cải thiện. Mức độ hài lòng của người dân ngày một tăng cao, đảm bảo thực hiện được mục tiêu “Đẩy mạnh chuyển đổi số để xây dựng chính quyền số; phát triển kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng nhanh và bền vững dựa trên khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng cuộc sống và phúc lợi của người dân” mà tỉnh đã đề ra.

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2024

Triển khai thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX;.... UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo các

cấp, các ngành, các địa phương trong triển khai thực hiện. Công tác thực hiện chuyển đổi số; xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử gắn với cải cách hành chính hướng tới phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh của tỉnh Nam Định năm 2024 tiếp tục đạt nhiều kết quả quan trọng góp phần triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, dữ liệu số của tỉnh được đầu tư, phát triển hiện đại, đồng bộ từ các cơ quan cấp tỉnh đến cấp xã. Các hệ thống thông tin, phần mềm, dịch vụ số dùng chung của tỉnh được triển khai mạnh mẽ, đồng bộ đến các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã đảm bảo phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc và phục vụ tốt nhu cầu của người dân, doanh nghiệp trên môi trường điện tử. Tuyên truyền người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Triển khai dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 và Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Hoàn thành kết nối hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ (Hệ thống EMC); Hoàn thành kết nối hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.... Các chỉ tiêu, nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đều đạt hoặc vượt so với yêu cầu của Nghị quyết số 17/NQ-CP, Quyết định số 749/QĐ-TTg; Quyết định số 942/QĐ-TTg; Nghị quyết số 09-NQ/TU.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2024

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số luôn được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện. Hằng quý và đột xuất UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh họp để đánh giá kết quả công tác chuyển đổi số của tỉnh và tập trung chỉ đạo, điều phối các sở, ban, ngành, địa phương đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, ưu tiên nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu quan trọng thuộc Nghị quyết, Kế hoạch về chuyển đổi số của tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì.

- Năm 2024 còn 01 chỉ số chưa hoàn thành so với Nghị quyết số 09-NQ/TU là 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý. Kết quả đến nay có 22,5% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

b) Tồn tại, hạn chế

Tỷ lệ hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế do công tác kiểm tra, giám sát có nhiều đặc thù cần phải thu thập tài liệu, hồ sơ giấy theo quy định.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

2.1. Công tác xây dựng, ban hành các chương trình, đề án, kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 29/12/2023 về chuyển đổi số tỉnh Nam Định năm 2024; Kế hoạch số 49/KH-BCĐ ngày 17/7/2024 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định về kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định năm 2024; Kế hoạch số 183/KH-BCĐ ngày 16/7/2024 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định về Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nam Định năm 2024; Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 15/8/2024 của UBND tỉnh Nam Định về tổ chức Ngày Chuyển đổi số Quốc gia (10/10) trên địa bàn tỉnh Nam Định năm 2024.

- Năm 2024 tỉnh Nam Định đã ban hành đầy đủ các văn bản về chuyển đổi số theo chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông như: Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Nam Định năm 2024. Văn bản triển khai thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 và Công điện số 33/CĐ-TTg ngày 07/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Nam Định năm 2024. Quy định mức thu lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Nam Định; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định; Văn bản chỉ đạo tập trung thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030...

- Tổ chức hội nghị tập huấn phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh; phổ biến, quán triệt công tác chỉ cho chuyển đổi số cho công chức phụ trách về chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước; Ban hành văn bản định kỳ hằng năm nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chỉ cho chuyển đổi số.

b) Tồn tại, hạn chế

Việc ban hành một số văn bản còn chậm; việc theo dõi, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch còn chưa kịp thời.

2.2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai kịp thời chỉ đạo của Chính phủ và các bộ ngành về công tác chuyển đổi số tại địa phương.

- Các cấp, các ngành trong tỉnh tích cực triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số năm 2024.

3. Hạ tầng số

3.1. Kết quả đạt được

- Tập trung phát triển, hoàn thiện hạ tầng đảm bảo thông tin liên lạc gắn với đảm bảo chất lượng phục vụ thực hiện chuyển đổi số; đến nay 100% cơ quan nhà nước được kết nối với mạng Truyền số liệu chuyên dùng chính phủ và mạng internet cáp quang tốc độ cao đảm bảo đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết công việc. 90% địa bàn tỉnh được phủ sóng điện thoại di động 4G, 5G và 100% thôn, xóm, tổ dân phố được kết nối với đường internet cáp quang tốc độ cao, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu người dân, doanh nghiệp tham gia sử dụng các nền tảng số, ứng dụng số do cơ quan nhà nước cung cấp.

- Thực hiện việc cập nhật Khung kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Nam Định, phiên bản 2.0 sang Khung kiến trúc chính quyền số tỉnh Nam Định, phiên bản 3.0 để làm cơ sở tham chiếu trong triển khai thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu: Trục liên thông văn bản tỉnh Nam Định kết nối liên thông với Trục liên thông văn bản Quốc gia, đảm bảo việc liên thông gửi, nhận văn bản điện tử đến 100% các cơ quan Đảng, đoàn thể và nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định và liên thông đến 100% các Bộ, ban, ngành Trung ương và 62 tỉnh, thành phố trên cả nước. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP) tỉnh Nam Định hoạt động hiệu quả kết nối liên thông với hệ thống thông tin ở Trung ương.

- Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu (CSDL): Các CSDL Quốc gia theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ và nhiều CSDL của các Bộ, ngành Trung ương (như: CSDL Quốc gia về Dân cư, Đăng ký doanh nghiệp, BHXH, Đất đai, Hộ tịch,...) được kết nối, chia sẻ với các CSDL, hệ thống thông tin của tỉnh. Nhiều CSDL của tỉnh đang từng bước tạo lập trong quá trình xây dựng, phát triển các phần mềm, ứng dụng, như: CSDL kinh tế - xã hội tích hợp trong Hệ thống báo cáo của tỉnh; CSDL quản lý giống cây trồng; CSDL báo cáo thống kê ngành thông tin và truyền thông; CSDL trong lĩnh vực văn hóa, thông tin; CSDL thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực giáo dục của tỉnh,... Kho dữ liệu điện tử về TTHC và Kho dữ liệu điện tử cá nhân của công dân đang được hoàn thiện, giúp công dân chủ động quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; đảm bảo phục vụ hiệu quả nhu cầu giao dịch trực tuyến của người dân, doanh nghiệp với các cơ quan nhà nước.

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh được mở rộng đến 100% cơ quan chính quyền 3 cấp đảm bảo về kỹ thuật, an toàn thông tin phục vụ việc kết nối, liên thông 4 cấp (Trung ương, tỉnh, huyện, xã)

- Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng của tỉnh (SOC) được xây dựng và đưa vào hoạt động từ năm 2020 và được kết nối với Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng quốc gia, đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu và các hệ thống thông tin trong quá trình vận hành, kết nối, trao đổi.

- Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông đảm bảo cài đặt và vận hành hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện chuyển đổi số; xây dựng phát triển chính quyền điện tử gắn với cải cách hành chính hướng tới xây dựng chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh..

- Nhằm chủ động và tạo đột phá trong việc xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng phát triển các nền tảng số phục vụ thực hiện chuyển đổi số của tỉnh, UBND tỉnh đã cân đối và ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước các cấp để thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án chuyển đổi số do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đang chỉ đạo nghiên cứu để đầu tư xây dựng, phát triển các nền tảng, hệ thống quan trọng như: Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; Hệ thống thông tin, chỉ đạo, điều hành tập trung (IOC) tỉnh Nam Định; Nền tảng quản lý dữ liệu điện tử dùng chung tỉnh Nam Định; Cổng dữ liệu mở tỉnh Nam Định,...

3.2. Tồn tại, hạn chế:

Việc triển khai Nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức chưa triển khai được do chưa có hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

- Tiếp tục duy trì hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, cấp thôn với 2.160 Tổ công nghệ số cộng đồng/2.160 Thôn, Xóm, Tổ dân phố (đạt tỷ lệ 100%) với tổng số lượng thành viên là trên 11.500 người và huy động trên 200 nhân sự của các doanh nghiệp bưu chính viễn thông tham gia.

- Các cơ quan nhà nước các cấp tiếp tục kiện toàn, thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc về chuyển đổi số và an toàn thông tin mạng. Đến năm 2024 toàn tỉnh có 3.828 công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số; 2.896 công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng.

- Các cơ quan, đơn vị tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số và Đề án 06 bằng nhiều hình thức khác nhau như: Trực tiếp, hội nghị, qua nền tảng trực tuyến. 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số.

- Toàn tỉnh có 11 cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học có đào tạo về chuyển đổi số (trong đó có 01 trường có đào tạo chuyên ngành về chuyển đổi số, 10 trường có đào tạo kỹ năng cơ bản về chuyển đổi số); 510 cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học

phổ thông thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).

- 100% người lao động tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp... có trình độ tốt nghiệp từ phổ thông trung học trở lên đã được đào tạo kỹ năng số cơ bản. Ngoài ra người lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số, hướng dẫn sử dụng nền tảng số bằng nhiều hình thức khác nhau như: Trực tiếp, qua nền tảng trực tuyến, qua sóng truyền hình, qua youtube, facebook,...

b) Tồn tại, hạn chế

Việc bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số có lúc, có nơi còn hình thức, một số lớp tập huấn hiệu quả còn chưa cao.

5. Dữ liệu số

5.1. Kết quả đạt được

- Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu: Trục liên thông văn bản tỉnh Nam Định hoạt động ổn định, đảm bảo việc liên thông gửi, nhận văn bản điện tử đến 100% các cơ quan Đảng, Đoàn thể và Nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định và liên thông đến 100% các Bộ, ban, ngành Trung ương và 62 tỉnh, thành phố trên cả nước. Nền tảng LGSP tỉnh Nam Định đã được xây dựng và chính thức đi vào hoạt động từ đầu năm 2020. Hệ thống hiện hoạt động ổn định và kết nối với nhiều hệ thống CSDL của Trung ương. Các phần mềm vận hành nền tảng LGSP bao gồm: Hệ thống quản lý danh mục, bảng mã điện tử dùng chung của tỉnh, Trục tích hợp dữ liệu, Hệ thống giám sát, vận hành LGSP của tỉnh, Hệ thống quản lý các dịch vụ chia sẻ (API gateway), Hệ thống người dùng chung và dịch vụ đăng nhập một lần, Cổng thông tin nghiệp vụ LGSP của tỉnh các dịch vụ trên được cung cấp tại <https://lgsp.namdinh.gov.vn/>.

- Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu: Hoàn thành việc xây dựng các phần mềm phục vụ việc tạo lập, cập nhật các cơ sở dữ liệu, như: Cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội tích hợp trong Hệ thống báo cáo của tỉnh; Cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ công chức; Cơ sở dữ liệu quản lý giống cây trồng; Cơ sở báo cáo thống kê ngành thông tin và truyền thông; cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực văn hóa, thông tin; cơ sở dữ liệu thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực giáo dục của tỉnh, Cơ sở dữ liệu cung lao động, Cơ sở dữ liệu lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, Cơ sở dữ liệu liệt sĩ, mộ liệt sĩ và nghĩa trang liệt sĩ, Cơ sở dữ liệu người hưởng chính sách ưu đãi người có công, Cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo... Kho dữ liệu điện tử cá nhân của công dân đang được hoàn thiện, giúp công dân chủ động quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của cá nhân trên Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống một cửa điện tử của tỉnh; đảm bảo phục vụ hiệu quả nhu cầu giao dịch trực tuyến của người dân, doanh nghiệp với các cơ quan nhà nước.

- Triển khai CSDL dịch vụ công liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí của Cục Bảo trợ xã hội (<https://dvcbtxh.molisa.gov.vn>) và Cục người có công (<https://csdl-nguoiococong.molisa.gov.vn>) thông qua trực LGSP của tỉnh khi trả kết quả liên thông về công dịch vụ công của tỉnh.

- Đến thời điểm hiện tại có 9/9 dịch vụ chia sẻ dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh LGSP. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã tích hợp, kết nối với Hệ thống thông tin dùng chung trong thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, đô thị thông minh của tỉnh; Hệ thống đăng nhập một lần của tỉnh (SSO); Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung của tỉnh (LGSP); Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung của Quốc gia (NGSP); Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ TTTT); Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp và Phần mềm Đăng ký doanh nghiệp (Bộ KHĐT); Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp); Phần mềm quản lý Lý lịch tư pháp (Bộ Tư pháp); Phần mềm đăng ký khai sinh điện tử (Bộ Tư pháp); CSDL Quốc gia về bảo hiểm (BHXH Việt Nam); Liên thông TNMT- Thuế (Bộ TNMT); Hệ thống của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam (VNPOST); Ứng dụng Zalo (Công ty Cổ phần VNG). Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đang tiếp tục được nâng cấp để đáp ứng yêu cầu về tích hợp, kết nối với CSDL Quốc gia về dân cư (Bộ Công an); Hệ thống dịch vụ công lĩnh vực đường bộ trong nước (Bộ GTVT); Phần mềm VBDLIS (Bộ TNMT); Phần mềm VNPT-iLIS của VNPT (Sở TNMT); Hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội (Bộ LĐTBXH);...

- Tỉnh Nam Định đã thực hiện kết nối 15/15 dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại tỉnh Nam Định đúng theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 1832/BTTTT-THH ngày 16/5/2022; 677/BTTTT-THH ngày 3/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Hệ thống dữ liệu mở của tỉnh đã được xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng tại địa chỉ <https://data.namdinh.gov.vn/> cung cấp dữ liệu trên các lĩnh vực (Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp, Thanh tra, Giáo dục, Y tế, Văn hóa - Thể thao,- Du lịch Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính, Công an, Giao thông, Nội vụ, Khoa học - Công nghệ, Tư pháp) và thường xuyên cập nhật dữ liệu trên Cổng dữ liệu mở Quốc gia <https://data.gov.vn/>.

- Hệ thống CSDL dùng chung tỉnh Nam Định tại địa chỉ <https://lgsp.namdinh.gov.vn> cho phép quản lý CSDL tập trung của các Sở ban ngành trên địa bàn tỉnh trên một hệ thống duy nhất. Hệ thống cung cấp các bộ ứng dụng cho nhiều đối tượng khác nhau như người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư và các sở ban ngành trên địa bàn tỉnh.

5.2. Tồn tại, hạn chế

Việc cập nhật số liệu của các cơ quan, đơn vị phục vụ cung cấp dữ liệu mở trên cổng dữ liệu mở của tỉnh ở một số lĩnh vực còn chưa kịp thời theo quy định.

6. An toàn, an ninh mạng

6.1. Kết quả đạt được

Công tác an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm, bảo đảm, không để xảy ra tình trạng mất an toàn, an ninh thông tin trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua. Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng của tỉnh được kết nối với các Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng của bộ, ngành Trung ương và Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng quốc gia. Hoàn thành công tác bảo đảm an toàn thông tin 4 lớp theo đúng hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Công tác kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng được thực hiện thường xuyên theo đúng quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. Công tác triển khai thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp độ theo đúng chỉ đạo tại Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Trung tâm Điều hành, giám sát an toàn thông tin (SOC) tỉnh Nam Định tiếp tục được duy trì nhằm giám sát đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh. Trong năm chưa có sự cố nghiêm trọng xảy ra.

- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị khai thực hiện kế hoạch thuê dịch vụ đảm bảo an toàn thông tin cho Trung tâm dữ liệu của tỉnh.

- Các cơ quan nhà nước các cấp thực hiện rà soát, phân loại và phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin cho 305/305 hệ thống thông tin; 305/305 có phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt đạt 100%. Trong 01/01 Hệ thống thông tin cấp độ 3, 304 Hệ thống thông tin cấp độ 1, cấp độ 2.

6.2. Tồn tại, hạn chế

Việc thực hiện rà soát, phân loại và phê duyệt hồ cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan còn chậm.

7. Chính quyền số

7.1. Kết quả đạt được

a) Phát triển các hệ thống thông tin, ứng dụng, dịch vụ số đổi mới lề lối, phương thức làm việc

- Cổng thông tin điện tử của tỉnh đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6 cơ bản đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ và hoạt động ổn định, thông tin được cập nhật đầy đủ kịp thời theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ phục vụ tốt nhu cầu khai thác, tìm kiếm thông tin, văn bản tài liệu của người dân, doanh nghiệp. Đã cập nhật được trên 20.000 tin bài, văn bản tài liệu trên Cổng, duy trì việc cập nhật trên 500 tin bài, văn bản/tháng; đến nay đã có gần 40 triệu lượt người truy cập.

- Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh được triển khai hiệu quả đến cấp xã, đảm bảo chất lượng phục vụ các cuộc họp trực tuyến trên toàn tỉnh, đặc biệt phục vụ hiệu quả các cuộc họp trực tuyến của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đến các xã. Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh hoạt động ổn định, 100% các cơ quan nhà nước của tỉnh và 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện, xã đã được cấp thư điện tử công vụ để phục vụ việc trao đổi thông tin trong giải quyết công việc.

- Phần mềm quản lý văn bản và điều hành: 100% các cơ quan Đảng, đoàn thể, nhà nước 3 cấp của tỉnh và một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã sử dụng phần mềm Quản lý văn bản, điều hành và được cấp chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong điều hành, giải quyết công việc. Trên 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử và được kết nối liên thông qua Trục liên thông văn bản của tỉnh.

- Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đã được triển khai đến 100% cơ quan nhà nước 3 cấp của tỉnh. Các chế độ báo cáo, bộ chỉ tiêu phục vụ chỉ đạo, điều hành của các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ được chuẩn hóa, điện tử hóa. Hoàn thành việc kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ, 08 chỉ tiêu kinh tế - xã hội do Văn phòng Chính phủ yêu cầu được cập nhật đầy đủ, định kỳ hàng tháng. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành được các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn cập nhật thường xuyên, đảm bảo theo định kỳ hàng tháng, quý, năm.

- Triển khai xây dựng CSDL về cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Nam Định (CBCCVC): Chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng CSDL về CBCCVC của cơ quan, đơn vị, địa phương; đến ngày 30/5/2023, 100% hồ sơ CBCCVC tỉnh Nam Định được đồng bộ thành công vào Hệ thống CSDL quốc gia về CBCCVC do Bộ Nội vụ quản lý (thuộc trong nhóm tỉnh dẫn đầu toàn quốc về xây dựng CSDL CBCCVC).

- Cổng dữ liệu mở của tỉnh đang được xây dựng và triển khai tại địa chỉ <https://data.namdinhh.gov.vn/> cung cấp dữ liệu trên 12 lĩnh vực (Nông nghiệp, Thanh tra, Giáo dục, Y tế, Văn hóa - Thể thao, Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính, Công an, Giao thông, Nội vụ, Khoa học - Công nghệ, Tư pháp) với trên 150.000 dữ liệu.

b) Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp

- Xây dựng, phát triển Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh:

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến tích hợp Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh) được triển khai đến 100% các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, đến nay đã có hơn 11 triệu lượt người truy cập. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã tích hợp, kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia; kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu với Hệ thống đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của Cổng dịch vụ công Quốc gia; tích hợp, kết nối liên thông với nền tảng thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công Quốc gia; Kết nối, chia sẻ với các CSDL, hệ thống thông tin của các Bộ, ngành Trung ương.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh niêm yết công khai 1.761 TTHC của tỉnh 100% hồ sơ TTHC của người dân, doanh nghiệp được tiếp nhận, giải quyết công khai trên Cổng; 100% quy trình giải quyết TTHC của tỉnh được xây dựng quy trình điện tử và công khai trên Hệ thống để người dân, doanh nghiệp có thể giám sát, đánh giá quá trình thực hiện, qua đó đã góp phần nâng cao được chất lượng giải quyết TTHC và tăng cường được việc quản lý, theo dõi, giám sát việc thực hiện giải quyết TTHC của công chức một cửa. 100% DVC trực tuyến toàn trình và một phần được cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và được kết nối, cung cấp trên Cổng DVC Quốc gia. 100% TTHC đủ điều kiện của tỉnh đã được cung cấp trực tuyến toàn trình và trực tuyến một phần. Tỷ lệ DVC trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt gần 60%; Tỷ lệ hồ sơ TTHC được thực hiện bằng hình thức trực tuyến là hơn 96%; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn là 99,7%. Tỷ lệ hồ sơ TTHC của người dân, doanh nghiệp có phát sinh thanh toán trực tuyến đạt gần 90%. 100% kết quả TTHC được số hóa hoặc trả kết quả bằng văn bản điện tử.

7.2. Tồn tại, hạn chế

Việc bố trí ngân sách nhà nước cho chính quyền số của các cơ quan còn thấp chưa đạt yêu cầu là 10% Tổng chi Ngân sách nhà nước.

8. Kinh tế số và Xã hội số

8.1. Kết quả đạt được

a) Phát triển kinh tế số

- Các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh như: Bưu điện tỉnh, Bưu chính Viettel, VNPT, Viettel, Mobifone, FPT đang từng bước thực hiện việc dịch chuyển từ cung cấp các dịch vụ truyền thống như bưu chính, viễn thông, internet sang cung cấp các dịch vụ mới phục vụ chuyển đổi số như cung cấp các phần mềm, nền tảng số, dịch vụ số, logistics,... cho các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã góp phần từng bước thúc đẩy quá trình thực hiện chuyển đổi số tại các doanh nghiệp.

- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã chủ động tiếp cận với các nền tảng số, dịch vụ số để từng bước tiến hành việc chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh, như: 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng nền tảng hóa đơn điện tử, ứng dụng chữ ký số điện tử trong giao dịch với ngành thuế, hải quan, BHXH,... Ngoài ra hiện nay có khoảng 30% doanh nghiệp đang triển khai sử dụng các nền tảng số khác, như: nền tảng quản trị nhân lực, nền tảng quản lý tài chính, kế toán,...

- Tích cực chỉ đạo triển khai thực hiện thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt. Giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt được thực hiện khá phổ biến trên các nền tảng thanh toán số của các ngân hàng, đặc biệt là việc triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực giáo dục, y tế, kinh doanh bán lẻ, điện, nước và trong giải quyết TTHC, thanh toán nghĩa vụ thuế về đất đai,...

- Hiện nay, tỷ trọng giá trị tăng thêm của Kinh tế số của tỉnh chiếm khoảng 15% GRDP. Trong đó tỉnh Nam Định được Bộ Công thương đánh giá là một trong những điểm sáng về triển khai thương mại điện tử, hiện nay tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ của tỉnh ước đạt khoảng 9%, xếp thứ 4/63 tỉnh, thành phố về phát triển thương mại điện tử.

b) Phát triển xã hội số

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh có trên 100% số hộ gia đình được phủ mạng internet cáp quang tốc độ cao và tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại di động thông minh ước đạt trên 86,5% đã góp phần giúp người dân dễ dàng tiếp cận với các nền tảng số, dịch vụ số do các cơ quan nhà nước và thực hiện các hoạt động giao dịch khác phục vụ đời sống hàng ngày trên môi trường điện tử.

- Người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã chủ động hướng ứng và tích cực tham gia thực hiện dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến trong giải quyết TTHC, đến nay tỷ lệ hồ sơ TTHC được người dân, doanh nghiệp nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đạt trên 96%, tỷ lệ thực hiện thanh toán trực tuyến đạt trên 90%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép hoạt động khác ước đạt khoảng 80% đã góp phần thúc đẩy người dân tham gia các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt trong nhiều lĩnh

vực, đặc biệt là trong kinh doanh bán lẻ, thanh toán các khoản phí, lệ phí trong giải quyết TTHC và lĩnh vực y tế, giáo dục.

8.2. Hạn chế

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP còn thấp so với yêu cầu đặt ra.
- Việc đánh giá mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền chưa chưa thường xuyên, số liệu phản ánh chưa đầy đủ.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

9.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

- Xác định thực hiện chuyển đổi số trước tiên là chuyển đổi nhận thức, UBND tỉnh đã chỉ đạo đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn phổ biến kiến thức về chuyển đổi số cho các cơ quan, đơn vị, địa phương và người dân trên địa bàn tỉnh, tạo được sự đồng thuận, vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự hưởng ứng tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, người dân về chuyển đổi số, cụ thể:

Tỉnh Nam Định đã ban hành Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 15/8/2024 của UBND tỉnh Nam Định về tổ chức Ngày Chuyển đổi số Quốc gia (10/10) trên địa bàn tỉnh Nam Định năm 2024 với các hoạt động tuyên truyền, hướng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia như:

- Trong 03 năm liên tiếp 2022, 2023, 2024 nhân ngày Chuyển đổi số Quốc gia (10/10) và ngày Doanh nhân Việt Nam 13/10 Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức hội nghị về chuyển đổi số cho doanh nghiệp và, doanh nhân trên địa bàn tỉnh Nam Định, tạo tiền đề thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể góp phần phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh. Hội nghị diễn ra vào ngày 10/10/2023 với sự tham gia khoảng 500 đại biểu tham dự là lãnh đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tuyên truyền về Ngày Chuyển đổi số quốc gia trên các phương tiện truyền thông và trên môi trường số gồm các trang, cổng thông tin điện tử, trang mạng xã hội; Treo băng rôn, khẩu hiệu, tuyên truyền lưu động trên các tuyến đường chính, khu vực trung tâm, tại các cửa hàng điện tử, máy tính, siêu thị điện máy lớn trên địa bàn các huyện, thành phố trong tỉnh.

- UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh triển khai các hình thức hưởng ứng treo khẩu hiệu trên các tuyến phố hướng ứng ngày Chuyển đổi số 10/10.

- Tỉnh tổ chức Cuộc thi trắc nghiệm tìm hiểu về kiến thức Chuyển đổi số và Ngày chuyển đổi số quốc gia. Cuộc thi được thực hiện hoàn toàn trên môi trường số, công tác tuyên truyền, phổ biến về Cuộc thi được triển khai kịp thời và rộng khắp do đó các cơ quan đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan nhà nước, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng và người dân trên địa bàn tỉnh đã tích cực tham gia

b) Tồn tại, hạn chế

Các hoạt động chưa phong phú; còn một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và người dân chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của việc chuyển đổi số nói chung và Ngày chuyển đổi số quốc gia nói riêng.

9.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

Việc tổ chức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội đã thu hút được số lượng lớn người quan tâm theo dõi như Chương trình phát động, trao giải Cuộc thi trắc nghiệm tìm hiểu về Chuyển đổi số và Ngày chuyển đổi số quốc gia đã thu hút trên 15 nghìn lượt người xem.

b) Tồn tại, hạn chế

Chưa có nhiều nội dung chia sẻ thông tin trên mạng xã hội để người dân tiếp cận thông tin.

9.3. Truyền thông về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

- Duy trì chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số, kênh số khác trên zalo, youtube, facebook,... duy trì chuyên mục riêng về chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, đăng tải trên 80 tin, bài về chuyển đổi số.

- Báo Nam Định duy trì chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Báo Nam Định điện tử, đăng tải trên 120 tin, bài phản ánh công tác thực hiện chuyển đổi số và Đề án 06 trên địa bàn tỉnh.

- Đài Phát thanh và Truyền hình duy trì chuyên mục “chuyển đổi số” trên cả 2 sóng phát thanh và truyền hình, định kỳ mỗi tuần 01 chuyên mục, phát tối thứ sáu và chiều thứ bảy hàng tuần trên truyền hình, sáng thứ tư và trưa thứ tư trên phát thanh.

- Đài Truyền thanh - Truyền hình các huyện, thành phố mở chuyên mục “Chuyển đổi số”, tần suất phát sóng 02 chuyên mục/tháng. Nội dung tập trung tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh, huyện; hoạt động chuyển đổi số của một số cơ quan, đơn vị; các tấm gương điển hình về chuyển đổi số; ngày chuyển đổi số quốc gia 10/10...

- Đài truyền thanh các xã, phường, thị trấn: Mở chuyên mục “Chuyển đổi số”, tần suất phát sóng 01 chuyên mục/tháng. Thực hiện nghiêm túc việc tiếp sóng Chuyên mục “Chuyển đổi số” trên sóng phát thanh Đài Phát thanh và Truyền hình vào thứ tư hàng tuần.

b) Tồn tại, hạn chế

Chưa xác định được số lượng người quan tâm theo địa bàn để phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Công điện số 33/CD-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng;

- Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024-2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 3152/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin;

- Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Nam Định, phiên bản 2.0;

- Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021- 2025. định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2025;

- Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Nam Định, giai đoạn 2022-2025;

- Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh về triển khai thúc đẩy phát triển thương mại điện tử tỉnh Nam Định dựa trên Nền tảng sàn thương mại điện tử năm 2022;

- Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 08/5/2022 của UBND tỉnh về Thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc

phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" tỉnh Nam Định;

- Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh về Số hoá Sổ hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 18/5/2023 của UBND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh về số hoá Sổ hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 04/7/2024 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện cấp phiếu Lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID.

- Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh về triển khai Sổ sức khoẻ điện tử trên VNeID.

- Kế hoạch số 49/KH-BCĐ ngày 17/7/2024 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định về kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định năm 2024;

- Kế hoạch số 183/KH-BCĐ ngày 16/7/2024 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định về Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nam Định năm 2024;

- Văn bản số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền tiến tới xây dựng chính quyền số; phát triển kinh tế số, xã hội và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số có sức cạnh tranh trên thị trường.

- Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ theo chỉ đạo của Chính phủ, bộ, ngành; Nghị quyết, Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Nam Định đã đề ra.

2. Mục tiêu cụ thể

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt tỷ lệ 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện;

- Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến đạt tối thiểu 80%;

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%;
- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%;
- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%;
- 100% hệ thống thông tin báo cáo của các bộ, ngành kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;
- 100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số;
- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại cấp tỉnh đạt 100%; cấp huyện đạt 100%; cấp xã đạt 80%.
- Phân đầu tỷ trọng kinh tế số trên GDP đạt 20%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại đạt trên 80%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%;
- 100% trung tâm thương mại; 80% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt trên 50%;
- 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng;
- Tỷ lệ hồ sơ tư liệu các di sản văn hóa Việt Nam đã được ghi danh, công nhận và xếp hạng được số hóa, hiện diện trên môi trường số đạt tỷ lệ 100%;
- Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh và bảng điểm số đối với sinh viên đạt 100%;
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên toàn quốc triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 100%;
- Chỉ tiêu số hoá dữ liệu hộ tịch: Hoàn thành số hoá dữ liệu hộ tịch giai đoạn 1, 2 trước ngày 25/12/2024; Hoàn thành số hoá dữ liệu hộ tịch giai đoạn 3, 4, 5 trong năm 2025;
- Chỉ tiêu tiếp nhận và giải quyết cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên VNeID: phân đầu đạt 100% hồ sơ giải quyết trên VNeID/tổng số hồ sơ một cửa điện tử tiếp nhận; phân

đầu 100% doanh nghiệp, cơ quan nhà nước chấp nhận Phiếu lý lịch tư pháp điện tử khi người dân, người lao động nộp;

- Chỉ tiêu: phần đầu nâng tỷ lệ người dân sử dụng VNeID/tổng số người dân đến khám chữa bệnh đạt 100%; 100% người dân tích hợp BHYT, sổ sức khỏe, giấy chuyển tuyến, hẹn khám lại trên VNeID.

- Khắc phục 6 tiêu chí: (1) Phòng chống tấn công mạng cho ứng dụng WEB; (2) Cân bằng tải, dự phòng nóng cho các thiết bị mạng chính; (3) Bảo đảm an toàn cho máy chủ dữ liệu; (4) Quản lý truy cập lớp mạng; (5) Phòng chống tấn công từ chối dịch vụ; (6) Phòng, chống thất thoát dữ liệu để bảo đảm yêu cầu an ninh mạng, an ninh an toàn thông tin các hệ thống thông tin kết nối với hệ thống CSDLQGvDC;

- Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%;

- Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%;

- Triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ đạt 100%.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Hằng quý và đột xuất UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh họp để đánh giá kết quả công tác chuyển đổi số của tỉnh và tập trung chỉ đạo, điều phối các sở, ban, ngành, địa phương đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, ưu tiên nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu quan trọng thuộc Nghị quyết, Kế hoạch về chuyển đổi số của tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh. Trong đó đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin.

- Tổ chức sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Thể chế số

- Ban hành kịp thời các văn bản về chuyển đổi số theo Chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành.

- Rà soát, điều chỉnh các kế hoạch, quy định về chuyển đổi số phù hợp với tình hình thực tế triển khai chuyển đổi số của tỉnh.

3. Hạ tầng số

- Nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng trên địa bàn tỉnh. Tăng nhanh tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh; tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh; tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang băng rộng.

- Chuyển đổi toàn bộ các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

- Nâng cao chất lượng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước. Tiếp tục triển khai, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn; kết nối thông suốt đến 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên toàn tỉnh; phục vụ an toàn, kịp thời các phiên họp trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

- Khai thác có hiệu quả Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) để phục vụ nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

- Duy trì hiệu quả hoạt động của Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp xã đảm bảo chất lượng để tổ chức các cuộc họp trực tuyến trên toàn tỉnh, đặc biệt phục vụ các cuộc họp tổ chức từ Trung ương trực tuyến đến các xã.

- Tiếp tục rà soát, cấp chứng thư số chuyên dùng của Ban cơ yếu Chính phủ cho cán bộ, công chức, viên chức và các cơ quan, đơn vị nhà nước.

4. Nhân lực số

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về chuyển đổi số, trong đó ưu tiên hình thức bồi dưỡng trực tuyến qua Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) để cán bộ, công chức, viên chức có thể truy cập và học mọi lúc, mọi nơi, không làm gián đoạn thực hiện công việc hàng ngày.

- Cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn trực tiếp, trực tuyến do Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức nhằm nâng cao kỹ năng chuyển đổi số

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với cơ chế thu hút, đãi ngộ để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị.

5. Phát triển dữ liệu số

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các CSDL quốc gia trên địa bàn tỉnh, CSDL chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển.

- Triển khai sử dụng hoặc dịch chuyển lên nền tảng điện toán đám mây, trong đó đặc biệt chú trọng tới việc rà soát, đánh giá, bảo đảm trung tâm dữ liệu và nền tảng, dịch vụ điện toán đám mây phục vụ chính quyền số. Tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh mạng; ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp.

- Tập trung thực hiện Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- 100% các cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước.

- Thực hiện cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh đạt 80%, cung cấp dữ liệu mở đạt 100%.

- Xây dựng, sử dụng các CSDL dùng chung, khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các CSDL quốc gia. Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; Mở dữ liệu, tạo dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước tạo điều kiện phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Xây dựng Kho dữ liệu điện tử dùng chung của tỉnh, Kho dữ liệu điện tử cá nhân và hệ thống thu thập, xử lý, chuẩn hóa dữ liệu của tỉnh; Triển khai ứng dụng hiệu quả Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp bộ, cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ chính phủ số, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

6. An toàn thông tin mạng

- Tiếp tục thực hiện phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Tổ chức phổ biến, quán triệt hai nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng và hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức.

- Đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ về trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, nhân lực vận hành an toàn thông tin phù hợp với quy định.

- Tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

- Rà soát, bổ sung nhân lực an toàn thông tin, bảo đảm tối thiểu đơn vị chuyên trách an toàn thông tin mạng có tối thiểu 01 chuyên gia về an toàn thông tin, ứng cứu sự cố; các sở, ban, ngành, địa phương có từ 01 cán bộ phụ trách về công nghệ thông tin được tập huấn về an toàn thông tin.

- Xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia. Tổ chức diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng trong năm 2025.

- Duy trì có hiệu quả trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC), kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin).

- Giám sát, phát hiện và công bố hành vi vi phạm quy định pháp luật của Việt Nam trên các nền tảng số thuộc phạm vi quản lý; giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng.

7. Chính quyền số

- Tham mưu cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số của tỉnh thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số được giao.

- Nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối, giám sát, kiểm soát truy cập tập trung của Mạng truyền số liệu chuyên dùng. Đảm bảo kết nối tiếp tục

được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn; kết nối thông suốt bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã phục vụ chính quyền số.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc kết nối, trao đổi dữ liệu và mở dữ liệu; tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn chuyên ngành của từng ngành, địa phương;

- Tiếp tục triển khai công tác số hóa hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng toàn trình trong phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

- Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

- Tiếp tục phát triển và khai thác hiệu quả Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) để phục vụ nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước ngày càng cao.

- Tập trung nguồn lực triển khai Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Triển khai Kênh giao tiếp số hợp nhất kết nối giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp để mang lại trải nghiệm thuận tiện, nhất quán và xuyên suốt cho người dân, doanh nghiệp khi giao tiếp với chính quyền qua các hình thức khác nhau (ứng dụng di động, cổng thông tin điện tử, tổng đài, mạng xã hội)

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai việc số hóa kết quả TTHC của tỉnh còn hiệu lực; thực hiện việc số hóa thành phần hồ sơ, kết quả TTHC trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa đến cấp xã.

- Đẩy mạnh việc sử dụng các ứng dụng trong nội bộ cơ quan nhà nước, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí hoạt động, đổi mới phương thức làm việc: Hệ thống Mạng văn phòng điện tử liên thông; Hệ thống thư điện tử công vụ; Cổng thông tin điện tử; Sổ tay Đảng viên điện tử.

8. Kinh tế số và Xã hội số

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trải nghiệm, sử dụng các nền tảng số.

- Tiếp tục triển khai việc sử dụng hóa đơn điện tử và thuế điện tử tới toàn thể doanh nghiệp trên địa bàn.

- Tổ chức đánh giá xác định chỉ số mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Triển khai các hoạt động hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số.

- Tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến, di động phục vụ người dân (Viettel Money, VNPT Money...)

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số cải cách hành chính công, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp số khởi nghiệp, hình thành cộng đồng doanh nghiệp số; khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương để phổ cập kỹ năng số cho mọi người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội.

- Ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trong tỉnh.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

9.1. Ngày Chuyển đổi số

Xây dựng Kế hoạch và triển khai hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực các hoạt động, sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025.

9.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, học tập, chia sẻ kinh nghiệm về các nội dung, mô hình chuyển đổi số được đăng tải tại các trang thông tin Chuyển đổi số của Bộ Thông tin và Truyền thông(Cẩm nang Chuyển đổi số: <https://dx.mic.gov.vn>; Bài học Chuyển đổi số: <https://t63.mic.gov.vn>; Bài toán Chuyển đổi số: <https://c63.mic.gov.vn>)

9.3. Truyền thông về chuyển đổi số

Triển khai thiết lập các kênh truyền thông (Cổng thông tin điện tử của tỉnh; Báo Nam Định, đài phát thanh, đài truyền hình, hệ thống truyền thông cơ sở; mạng xã hội và các phương tiện truyền thông công cộng khác); phát hiện, tôn vinh, phổ biến các câu chuyện, bài học, mô hình chuyển đổi số thành công. Đây là việc làm mang tính thường xuyên, liên tục.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

Tiếp tục Kien toan Ban Chi dao, To giup viec chuyen doi so cac cap; gan ket voi cai cach hanh chinh; ban hanh chuong trinh, ke hoach hoat dong, kiem tra, danh gia chi dao cua Ban Chi dao ve chuyen doi so.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

Ung dung cac kenh truyen thong da dang de nang cao nhan thuc, hinh thanh van hoa so cho nguoi dan, tao dieu kien tiep can cac dich vu chinh quyen so; xay dung

ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân.

- Tăng cường tuyên truyền về chuyển đổi số trong cộng đồng dân cư, nòng cốt là các thành viên tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, tổ dân phố đồng thời phát huy vai trò tiên phong của lực lượng đoàn thanh niên trong việc tuyên truyền và hỗ trợ người dân trong sử dụng các nền tảng số.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Nâng cao chất lượng đào tạo, tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho cán bộ, công chức các cấp trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với cơ chế thu hút, đãi ngộ để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Ưu tiên bố trí, sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, các nguồn hợp pháp khác theo quy định để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, đô thị thông minh.

- Trên cơ sở kinh phí được phân bổ các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ưu tiên bố trí tỷ lệ chi ngân sách nhà nước hằng năm phù hợp cho chuyển đổi số góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu công cuộc chuyển đổi số.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

- Huy động sự tham gia của cộng đồng, cho phép các tổ chức, doanh nghiệp cùng khai thác các hệ thống công nghệ thông tin, các nền tảng và cơ sở dữ liệu phục vụ việc phát triển hệ sinh thái sản phẩm Chính quyền điện tử.

- Phối hợp, tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số trong mọi lĩnh vực.

- Tổ chức các đoàn công tác thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong Chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng. Tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế; tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp số trong tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách nhà nước giao hằng năm của các sở, ngành, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, tăng cường lồng ghép với các đề án, chương trình, kế hoạch liên quan đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, địa phương

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch này và các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 08/5/2022 của UBND tỉnh về Thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định, Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Nam Định, giai đoạn 2022-2025, Kế hoạch số 49/KH-BCĐ ngày 17/7/2024 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định về kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định năm 2024, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm thực hiện 100% các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 của địa phương, đơn vị mình đảm bảo thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực sở, ngành địa phương quản lý. Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trước ngày 15/12/2024 gửi Sở Thông tin và Truyền thông để theo dõi tổng hợp.

- Định kỳ hằng quý, hằng năm hoặc đột xuất báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch theo quy định. Trong quá trình thực hiện, phát sinh nhiệm vụ khác theo yêu cầu ngoài Kế hoạch đề nghị cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) xem xét, cho chủ trương riêng để thực hiện.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch, chế độ thông tin báo cáo theo quy định và tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

- Tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, quyết định cân đối phân bổ nguồn vốn đầu tư công để thực hiện các đề án, dự án chuyển đổi số.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan đẩy mạnh thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ nước ngoài và các đối tác quốc tế cho các dự án, đề án nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ.

- Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách tại địa phương, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên để triển khai thực hiện kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Chi tiết theo Phụ lục kèm theo)

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định. UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp) để xem xét, giải quyết./

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục CDS quốc gia;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành;
- UBND huyện, Thành phố;
- Lưu: VP1, VP7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Nghị

Phụ lục

NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /12/2024 của UBND tỉnh)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Thể chế số			
1.1	Ban hành, tham mưu cấp thẩm quyền Ban hành kịp thời các văn bản về chuyển đổi số theo Chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành; Rà soát, chỉnh sửa các kế hoạch, quy định về chuyển đổi số phù hợp với tình hình thực tế triển khai chuyển đổi số của tỉnh	Các sở, ban, ngành	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Thường xuyên
1.2	Tiếp tục triển khai chính sách chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Kế hoạch số 137/KH-UBND, ngày 19/10/2023 về hỗ trợ chuyển đổi số và tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nguồn ngân sách Trung ương trên địa bàn tỉnh Nam Định năm 2023	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Thường xuyên
1.3	Sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch về chuyển đổi số của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Tháng 11/2025
2	Hạ tầng số			
2.1	Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông tiếp tục nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng mạng băng thông rộng trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các doanh nghiệp viễn thông; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Thường xuyên
2.2	Tiếp tục đề xuất nâng cấp, thiết lập, Trung tâm dữ liệu theo hướng điện toán đám mây phục vụ Chính quyền số; dần chuyển đổi toàn bộ các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6)	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thường xuyên
2.3	Duy trì mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước đảm bảo kết nối thông suốt đến 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên toàn tỉnh phục vụ an toàn, kịp thời các phiên họp trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo.	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông; Các doanh nghiệp viễn thông.	Thường xuyên
3	Nhân lực số			
3.1	Triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho công chức, viên chức, người lao động trên nền tảng học trực tuyến.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
3.2	Tổ chức tập huấn, cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn trực tiếp, trực tuyến của tỉnh đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông;	Thường xuyên
3.3	Triển khai đào tạo nhân lực số trong cơ sở giáo dục đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; các cơ sở giáo dục	Tháng 9/2025
3.4	Tiếp tục thiết lập, triển khai hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng. Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, thiết yếu, gồm: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến; tự bảo vệ mình trên không gian mạng; hướng dẫn kỹ năng số cơ bản khác như sử dụng nền tảng số đặc thù của địa phương; một số lĩnh vực có thể xem xét tập trung gồm: Nông nghiệp, Du lịch, Dệt may, Logistics, Y tế, Giáo dục.	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 10/2025
4	Nhận thức số			
4.1	Duy trì chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số, kênh số khác trên Zalo: Phát hiện, tôn vinh, phổ biến các câu chuyện, bài học, mô hình chuyển đổi số thành công của tỉnh và thông tin từ Cổng thông tin về chuyển đổi số quốc gia tại địa chỉ: dx.gov.vn	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Thường xuyên
4.2	Xây dựng, duy trì chuyên mục riêng về chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Thường xuyên
4.3	Xây dựng, duy trì chuyên mục riêng về chuyển đổi số trên Báo Nam Định điện tử	Báo Nam Định	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Thường xuyên
4.4	Duy trì chuyên mục riêng về chuyển đổi số trên Đài Phát thanh và Truyền hình Nam Định	Đài Phát thanh và Truyền hình Nam Định	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Thường xuyên
4.5	Duy trì chuyên mục riêng về chuyển đổi số trên hệ thống truyền thanh cơ sở	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
5	Phát triển dữ liệu số			
5.1	Nghiên cứu, triển khai thử nghiệm tích hợp Nền tảng trợ lý ảo hỗ trợ công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Tháng 9/2025
5.2	Nghiên cứu, triển khai thử nghiệm Nền tảng trợ lý ảo hỗ trợ rà soát văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Tháng 9/2025

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
5.3	Triển khai (IOC) Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Tháng 3/2025
5.4	Phối hợp với các bộ, ngành trong triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, tránh trùng lặp trên quy mô quốc gia	Các sở, ban, ngành	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Thường xuyên
5.5	Xây dựng Kho dữ liệu điện tử dùng chung tỉnh Nam Định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	5/2025
5.6	Xây dựng Cổng dữ liệu mở tỉnh Nam Định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	5/2025
5.7	Thực hiện cung cấp dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu của tỉnh tại địa chỉ Cổng dữ liệu quốc gia phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu: Danh mục dữ liệu mở được rà soát, sửa đổi (nếu có) theo định kỳ.	Các sở, ban, ngành liên quan	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Thường xuyên
6	An toàn thông tin mạng			
6.1	Thực hiện phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước, triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đã phê duyệt	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện.	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên
6.2	Triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ đạt 100%.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các đơn vị có liên quan	Thường xuyên
7	Chính phủ số			
7.1	Triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ			
7.1.1	Tham mưu UBND tỉnh Quyết định ban hành các chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh trên môi trường điện tử	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Tháng 02/2025
7.1.2	Rà soát các chế độ báo cáo bảo đảm chỉ ban hành những chế độ báo cáo thật sự cần thiết; cắt giảm các chế độ báo cáo đã được thay thế bằng dữ liệu số có sẵn từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
7.1.3	Thực hiện rà soát, đơn giản hoá, tái cấu trúc quy trình giải quyết công việc, theo dõi, kiểm tra, giám sát phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử để tạo thuận lợi trong việc thu thập, tạo lập dữ liệu số và kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên
7.1.4	Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo hướng tới hình thành Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của tỉnh kết nối với Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành có liên quan.	Tháng 02/2025
7.1.5	Kết nối, tích hợp, chia sẻ các thông tin, dữ liệu từ Hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống thông tin, dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành có liên quan.	Tháng 02/2025
7.1.6	Tổ chức tạo lập, kết nối, chia sẻ, tổng hợp, phân tích, đánh giá, giám sát chất lượng thông tin, dữ liệu các chỉ số, nhóm chỉ số tại Phụ lục II Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ	Các sở, ngành liên quan	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên
7.1.7	Kết nối, tích hợp, chia sẻ 40 nhóm thông tin, dữ liệu trực tuyến thời gian thực hai chiều với các bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành liên quan	Tháng 12/2025
7.1.8	Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương, các hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành liên quan	Thường xuyên
7.1.9	Tăng cường các hoạt động phối hợp, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước, quốc tế triển khai các hoạt động bồi dưỡng, nghiên cứu, phát triển về dữ liệu; ứng dụng, phân tích dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; xây dựng chính sách, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành liên quan	Thường xuyên
7.1.10	Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ và các bộ	Các sở, ngành liên quan	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên
7.2	Triển khai nhiệm vụ Đề án triển khai Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh và Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh			

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
7.2.1	Lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ triển khai IOC	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Tháng 3/2025
7.2.2	Đề xuất đầu tư thêm trang thiết bị để thay thế, bổ sung cho trung tâm dữ liệu và trang thiết bị phòng họp phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành tại Sở Thông tin và Truyền thông (theo yêu cầu thực tế khi triển khai)	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính	Thường xuyên
7.2.3	Tham mưu ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Chuyển đổi số và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ	Tháng 6/2025
7.2.4	Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Tổ công tác triển khai Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh IOC	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Tháng 6/2025
7.2.5	Điều phối, hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện kết nối hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành với IOC	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên
7.2.6	Tổ chức phổ biến, tuyên truyền các nội dung, kết quả liên quan đến hoạt động của IOC và Kho dữ liệu dùng chung nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức của cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp về lợi ích trong việc tham gia và sử dụng các dịch vụ của IOC và Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Báo Nam Định; Đài Phát thanh và Truyền hình.	Thường xuyên
7.2.7	Bố trí phòng phù hợp để lắp đặt các thiết bị, đường truyền phục vụ hoạt động của IOC	Sở Thông tin và Truyền thông	Đơn vị có liên quan	Tháng 6/2025
7.2.7	Đề xuất đầu tư thêm trang thiết bị để thay thế, bổ sung cho phòng họp phục vụ hoạt động của Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh IOC (theo yêu cầu thực tế)	Sở Thông tin và Truyền thông	- Sở Tài chính;	Thường xuyên
7.2.9	Bố trí nhân lực sẵn sàng tiếp quản, tiếp nhận và tổ chức quản lý, vận hành IOC	Sở Thông tin và Truyền thông	Đơn vị có liên quan	
7.2.10	Triển khai, cung cấp thông tin, kết nối và khai thác sử dụng gồm: 1) Đề xuất chức năng, quy trình nghiệp vụ các phân hệ chức năng của IOC theo ngành, lĩnh vực phụ trách. 2) Phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu chuyên ngành cho IOC và Kho dữ liệu tỉnh Nam Định. 3) Kết nối cơ sở dữ liệu, hệ thống nhằm đảm bảo dữ liệu, số liệu của IOC tỉnh được cập nhật tự động theo thời gian thực.	Các sở, ban, ngành liên quan	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Tháng 6/2025

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	4) Khai thác và sử dụng dữ liệu từ IOC (theo phân cấp, phân quyền) để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành theo lĩnh vực quản lý.			
7.2.11	Thực hiện các phóng sự, phát sóng, đăng tin phổ biến, tuyên truyền về hoạt động của IOC tỉnh, lợi ích trong việc tham gia sử dụng các dịch vụ của hệ thống IOC tỉnh và các tiện ích thông minh khác do cơ quan nhà nước cung cấp	Báo Nam Định; Đài phát thanh và Truyền hình Nam Định	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên
7.3	Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên
7.4	Thường xuyên theo dõi “Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công” thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý để chỉ đạo thực hiện kịp thời.	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên
7.5	Tiếp tục triển khai Kênh giao tiếp số hợp nhất kết nối giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp để mang lại trải nghiệm thuận tiện, nhất quán và xuyên suốt cho người dân, doanh nghiệp khi giao tiếp với chính quyền qua các hình thức khác nhau (ứng dụng di động, cổng thông tin điện tử, tổng đài, mạng xã hội).	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các đơn vị có liên quan	Thường xuyên
7.6	Thực hiện xử lý hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại cấp tỉnh: 100%; cấp huyện: 100%; cấp xã: 80%.	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên
8	Kinh tế số			
8.1	Thực hiện đo lường kinh tế số trên địa bàn tỉnh	Cục Thống kê tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Tháng 11/2025
8.2	Xác định các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế số để tập trung thúc đẩy phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển và điều kiện của tỉnh như: Nông nghiệp, du lịch, logistics, dệt may và công nghiệp chế biến, chế tạo.	Các sở, ban, ngành có liên quan	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Năm 2025
8.3	Chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa: (1) Thúc đẩy tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, thành phố biết để sử dụng các nền tảng số chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa;	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các đơn vị có liên quan	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	(2) Hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng công cụ do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp để thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp.			
8.4	Thúc đẩy, kết nối, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ số tham gia vào quá trình chuyển đổi số tại khu công nghiệp.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Năm 2025
9	Xã hội số			
9.1	Triển khai phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng VNeID, là danh tính số, có giá trị tương đương thẻ Căn cước công dân	Công an tỉnh	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Thường xuyên
9.2	Triển khai phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng thanh toán số: (1) Phối hợp với các ngân hàng, tổ chức tín dụng tiếp tục làm thẻ, ví điện tử cho người dân; (2) Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông để triển khai dịch vụ Mobile Money, phát triển điểm kinh doanh và đơn vị chấp nhận thanh toán để người dân có thể nạp, rút, chuyển tiền và thanh toán bằng tài khoản Mobile Money mà không cần có tài khoản ngân hàng; (3) Tuyên truyền, khuyến khích các cửa hàng, cửa hiệu, bệnh viện, trường học hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt; (4) Có các chính sách ưu đãi cho hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; (5) Triển khai các sáng kiến thúc đẩy thanh toán số không dùng tiền mặt như: Làng số, xã số, khu phố không dùng tiền mặt, từ đó nhân rộng, lan tỏa kinh nghiệm.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Nam Định	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Thường xuyên
9.3	Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến: (1) Phổ cập nhanh tài khoản định danh và xác thực điện tử, thông qua đó, phổ cập tài khoản dịch vụ công trực tuyến; (2) Tổ công nghệ số cộng đồng tích cực triển khai đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người truy cập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	Công an tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Thường xuyên
9.4	Mỗi người dân trưởng thành có một chữ ký số cá nhân: (1) Tích hợp tính năng ký số vào Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh; (2) Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số để ký hợp đồng lao động; (3) Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số tổ chức các chiến dịch cấp chữ ký số miễn phí cho người dân.	Sở Thông tin và Truyền thông	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các đơn vị có liên quan	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
9.5	Mỗi người dân được đảm bảo an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản: (1) Triển khai phổ cập cho người dân được bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản; (2) Việc bảo vệ này cơ bản không làm lộ lọt dữ liệu cá nhân; ngăn chặn được các website, thông tin mà người dân không mong muốn; bảo đảm người dân an toàn khi tham gia các hoạt động thanh toán trên môi trường số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Đài Phát thanh và Truyền hình; Hệ thống truyền thanh cơ sở.	Thường xuyên
9.6	Phát triển trường học số: Triển khai thực hiện chuyển đổi số trong trường học các cấp thuộc phạm vi quản lý. Trước hết là ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030".	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Tháng 03/2025
9.10	Phát triển bệnh viện số: Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong các bệnh viện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, chú trọng phát triển các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.	Sở Y tế	Các cơ sở khám chữa bệnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Tháng 3/2025
9.11	Phát triển làng số: Tham khảo, phổ biến cho người dân tại các làng, xã, tổ dân phố tự chủ động triển khai làng số (Cổng Thông tin điện tử về làng số tại địa chỉ langso.dx.gov.vn đăng tải và cập nhật thường xuyên các câu chuyện nhằm chia sẻ các kinh nghiệm hay, các thực tiễn tốt về sử dụng công nghệ số thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số tại các vùng, miền nông thôn)	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên
10	Các hoạt động khác			
	Tổ chức Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10 năm 2025 trên địa bàn	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Tháng 10/2025